

Thứ ba, ngày 20 tháng 8 năm 2019

Vietnam Daily Review

Tiếp nối đà tăng

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 21/8/2019		•	
Tuần 19/8-23/8/2019		•	
Tháng 8/2019		•	

Nhận định:

Thị trường: Chỉ số VN-Index tiếp tục tăng điểm ngay từ đầu phiên sáng nhờ lực mua tập trung ở nhóm cổ phiếu bluechips như VHM, GAS, SAB. Đến phiên chiều, chỉ số duy trì và mở rộng đà tăng trong biên độ hẹp nhờ VHM bứt phá ấn tượng. Khối ngoại đã quay lại bán ròng trên cả ba sàn trong phiên hôm nay. Thị trường có diễn biến khả quan trước tình hình biến động của khu vực. Thanh khoản có sự cải thiện mặc dù vẫn ở mức thấp cho thấy tâm lý nhà đầu tư không quá bị quan nhưng vẫn cần thêm tin tức hỗ trợ. **Nếu duy trì được đà tăng trong các phiên tiếp theo, VN-Index sẽ tiến tới kiểm tra lại ngưỡng kháng cự 985 điểm trước khi xác định được xu hướng rõ ràng.**

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL có diễn biến trái chiều so với chỉ số cơ sở. Ngoại trừ VN30F1912, các hợp đồng khác đều giảm. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 875 điểm cho hợp đồng ngắn hạn và ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 885 điểm cho các hợp đồng trung hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 20/08/2019, thị trường chứng quyền có sự phân hóa về giá. Phần lớn chứng khoán cơ sở đều tăng. Khối lượng giao dịch giảm nhẹ. HPG đang tích lũy sau khi không vượt qua được ngưỡng kháng cự 24. Các chỉ báo kỹ thuật cũng cho thấy các tín hiệu điều chỉnh giảm trong ngắn hạn. Chứng quyền có cổ phiếu cơ sở là HPG có thể gặp áp lực giảm trong các phiên tới.

Danh mục i-Invest: Theme_Cổ tức cao - Thanh khoản tốt +1.5%. Danh mục Cổ tức cao - Thanh khoản tốt hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng +1.5%, trong khi con số này của VNINDEX là +0.4%. Ở chiều ngược lại, danh mục Vật liệu Xây dựng giảm nhẹ quanh mức -0.0%. Hôm nay, 13/14 danh mục Chủ đề có hiệu suất khả quan.

Phân tích kỹ thuật: DIG_Phiên bứt phá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+3.64 điểm**, đóng cửa 984.67. HNX-Index **+0.39 điểm**, đóng cửa 102.98.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+2.54); GAS (+0.68); FPT (+0.32); MWG (+0.27); NVL (+0.25).**
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-0.88); MSN (-0.30); VNM (-0.25); BVH (-0.14); HPG (-0.12).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,791.88 tỷ đồng, +14.4%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 3.6 điểm. Thị trường có 161 mã tăng và 149 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **73.63 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VJC (97.2 tỷ), HPG (41.33 tỷ) và VCB (16.65 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **14.00 tỷ đồng.**

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX

984.67

Giá trị: 2791.88 tỷ

3.64 (0.37%)

Khối ngoại (ròng): -76.63 tỷ

HNX-INDEX

102.98

Giá trị: 318.43 tỷ

0.4 (0.39%)

Khối ngoại (ròng): -14 tỷ

UPCOM-INDEX

57.72

Giá trị: 705.54 tỷ

0.12 (0.21%)

Khối ngoại (ròng): -5.76 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	56.4	0.25%
Giá vàng	1,503	0.50%
Tỷ giá USD/VND	23,204	-0.03%
Tỷ giá EUR/VND	25,716	-0.17%
Tỷ giá JPY/VND	21,823	0.27%
LS liên NH 1 tháng	3.3%	4.52%
LS TPCP 5 năm	3.6%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	78.9	VJC	97.2
PLX	17.7	HPG	41.3
VHM	15.3	VCB	16.6
VRC	12.1	VRE	16.0
KBC	8.7	MSN	5.6

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường

i-INVEST	Trang 1
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Cổ phiếu lớn	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
iBroker	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9
	Trang 10



- ♦ Bạn không có thời gian để đầu tư
- ♦ Bạn bận khoản với biến động thị trường
- ♦ Bạn cần hỗ trợ để đầu tư hiệu quả

I-INVEST LÀ CÔNG CỤ BẠN ĐANG TÌM KIẾM

[Tìm hiểu thêm](#)

Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Danh mục **Cổ tức cao - Thanh khoản tốt** hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **+1.5%**, trong khi con số này của VNINDEX là **+0.4%**. Ở chiều ngược lại, danh mục **Vật liệu Xây dựng** giảm nhẹ quanh mức **-0.0%**. Hôm nay, 13/14 danh mục Chủ đề có hiệu suất **khả quan**.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Cổ tức cao - Thanh khoản tốt_1.5%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	1.5%	1.7%	-0.1%	-0.6%	6.3%	21.8%	56.4%
Vật liệu Xây dựng	0.9%	1.3%	1.9%	2.0%	5.9%	13.6%	14.4%
Nước & Năng lượng	0.8%	2.0%	-1.8%	-2.1%	3.2%	15.8%	61.8%
Hàng tiêu dùng	0.8%	1.6%	5.5%	4.9%	6.4%	11.4%	63.8%
BDS & Khu công nghiệp	0.5%	2.8%	2.0%	3.5%	1.2%	5.1%	46.6%
Xây dựng	0.5%	2.2%	-2.5%	-5.3%	-6.0%	-10.2%	29.7%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.5%	2.2%	5.2%	7.8%	7.3%	6.8%	76.0%
Ngân hàng	0.3%	2.7%	0.1%	4.2%	3.1%	-0.9%	71.3%
Xây dựng & Vật liệu XD	0.3%	2.2%	-0.2%	-2.3%	0.0%	-1.5%	0.6%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.2%	2.6%	2.3%	3.2%	1.3%	5.3%	74.5%
Dầu khí	0.2%	0.6%	-2.8%	-6.0%	5.1%	7.6%	12.3%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.1%	2.4%	0.6%	-1.9%	-4.0%	3.1%	88.3%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.0%	2.8%	-2.9%	-4.1%	-3.8%	-0.5%	52.3%
Chiến tranh thương mại	0.0%	1.3%	-1.6%	-0.2%	1.3%	15.2%	14.0%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 9	1.7%	3.5%	4.1%	4.5%	8.1%	12.1%	60.8%
Danh mục 14	1.2%	2.2%	2.6%	0.4%	4.0%	5.7%	42.8%
Danh mục 5	1.0%	1.4%	5.2%	2.6%	5.4%	8.1%	82.9%
Danh mục 3	0.0%	0.9%	1.3%	-1.7%	0.1%	0.2%	29.3%
Danh mục 15	-0.1%	2.3%	4.7%	5.5%	2.0%	5.5%	66.5%
* Note							

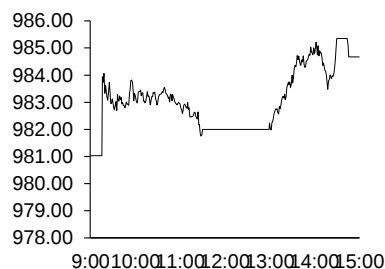
Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 21	1.3%	2.1%	2.6%	2.5%	6.8%	6.4%	49.2%
Danh mục 23	0.9%	1.6%	5.0%	0.8%	2.4%	16.3%	130.5%
Danh mục 20	0.9%	0.9%	-2.0%	1.2%	0.0%	10.7%	18.4%
Danh mục 24	0.8%	2.5%	0.8%	6.2%	9.7%	7.0%	63.2%
Danh mục 19	0.4%	2.3%	3.2%	5.9%	7.5%	11.7%	56.9%
* Note							

INDEX							
VNINDEX	0.4%	1.8%	0.2%	0.1%	-0.3%	1.6%	48.7%
VN30INDEX	0.3%	1.9%	1.6%	-0.4%	-3.4%	-5.4%	36.7%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

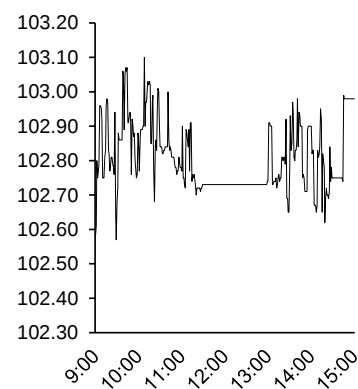
<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3
Vận động ngành trong ngày

Ngành	%±
Truyền thông	-2.0%
Tài nguyên Cơ bản	-0.5%
Bảo hiểm	-0.4%
Y tế	-0.3%
Dịch vụ tài chính	-0.2%
Thực phẩm và đồ uống	-0.2%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.2%
Du lịch và Giải trí	-0.2%
Ngân hàng	0.2%
Dầu khí	0.2%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.3%
Hóa chất	0.4%
Xây dựng và Vật liệu	0.6%
Bất động sản	0.8%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.1%
Bán lẻ	1.6%
Ô tô và phụ tùng	2.0%
Công nghệ Thông tin	2.6%

Nguồn: FiinPro

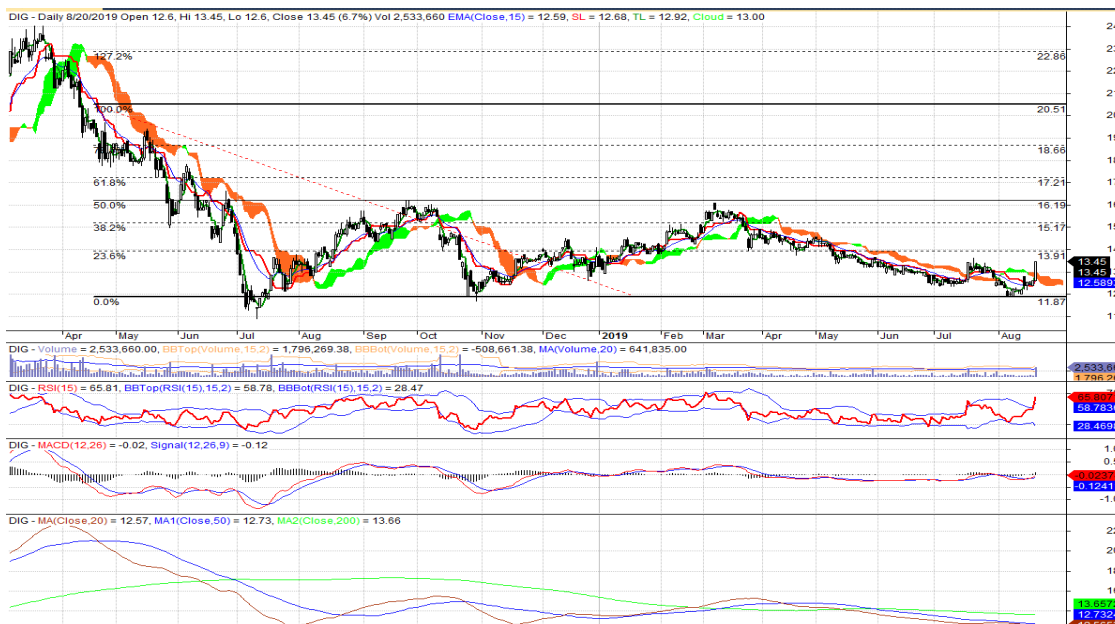
Phân tích kỹ thuật

DIG_Phiên bứt phá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD cắt lên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, phá kênh Bollinger trên.
- Đường MAS: Xu hướng giảm của 3 đường MA chậm lại.

Nhận định: Cổ phiếu DIG đã tạo thành một nhịp bứt phá tích cực trong phiên giao dịch hôm nay. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt xa ngưỡng trung bình 20 phiên, cho thấy động lực tăng giá khá mạnh. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều cho thấy tín hiệu khởi đầu xu hướng tăng. Đường giá cổ phiếu đã vượt lên dài mây ichomoku báo hiệu một xu hướng tăng dài trong trung hạn. Như vậy, DIG sẽ tăng trở lại vùng kháng cự cũ 15-16.2 trong các phiên giao dịch tới.



Phân Tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD: Kết quả kinh doanh được kỳ vọng tăng tốc từ cuối năm 2019. BSC dự báo doanh thu và lợi nhuận trước thuế năm 2019 của DIG lần lượt đạt 2,880 tỷ đồng (+17% yoy) và 553 tỷ đồng (+29.2% yoy) dựa trên giả định hạch toán (1) 20% phần còn lại dự án DIC-Phoenix (DT ước đạt 343 tỷ đồng), (2) Giả định hạch toán được 20% dự án GateWay (DT ước đạt 575 tỷ đồng) và (3) Dự án Nam Vĩnh Yên GĐ1 đóng góp khoảng 800 tỷ doanh thu. LNST ước tính khoảng 442 tỷ đồng (+36.5% YoY). EPS 2019F = 1,478 đồng/cp. Với mức giá ngày 02/08/2019, DIG đang giao dịch với mức PE FW 2019 là 8.8 lần, thấp hơn mức định giá so với các doanh nghiệp trong ngành.

Luận điểm đầu tư: Sở hữu quỹ đất lớn với giá vốn rẻ. Lợi nhuận được kỳ vọng cải thiện mạnh từ cuối năm 2019 và điểm rơi lợi nhuận vào năm 2020.

Rủi ro Đầu tư:

Cập nhật KQKD

KQKD 1H2019 sụt giảm so với cùng kỳ do chưa ghi nhận nhiều dự án. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 695.4 tỷ đồng (-32.6% YoY) và 50.5 tỷ đồng (-48.8% YoY) chủ yếu do yếu tố độ trễ của việc hạch toán lợi nhuận bất động sản. Doanh thu 6 tháng đầu năm 2019 chủ yếu đến từ (1) Chuyển nhượng căn hộ dự án DIC Phoenix và (2) Chuyển nhượng quyền sử dụng đất dự án Nam Vĩnh Yên. KQKD 1H2019 sụt giảm so với cùng kỳ do chưa ghi nhận nhiều dự án. Với điểm rơi lợi nhuận chủ yếu rơi vào nửa cuối năm 2019 và khả năng hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2019 là khả thi. Chúng tôi cho rằng nhà đầu tư cá nhân có thể cân nhắc đến cơ hội đầu tư với mức giá hợp lý khoảng 15,000 - 16,000VND tương đương mức PE FW 2019 kỳ vọng khoảng 10-11 lần. Đối với triển vọng năm 2019-2020, chúng tôi đánh giá điểm rơi lợi nhuận lớn của DIG sẽ rơi vào năm 2020 nhờ vào việc hạch toán dự án DIC- Gateway và các dự án khác bao gồm (Victoria Hậu Giang – KDC Hiệp Phước – Khu trung tâm Chí Linh Vũng Tàu)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 19/08/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 19/08	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	56.04	2.02%	2.08%	-0.24%	-15.59%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	59.61	1.65%	1.83%	-5.87%	-17.41%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.66	0.33%	-0.37%	-9.24%	-17.67%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1496.27	-1.13%	-1.04%	4.96%	25.65%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	16.90	-1.11%	-0.96%	3.38%	14.81%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	855.89	-1.18%	-1.00%	-3.99%	-3.28%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	464.71	-1.12%	-2.24%	-5.35%	-14.95%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.62	0.00%	0.06%	1.21%	17.31%	VNM, GTN, QNS	KDC
Cao su	JPY/kg	172.50	0.12%	-9.21%	-24.74%	6.22%	DPR, PHR, HAG, HNG	SRC, CSM, DRC
Đường	US cent/lb	11.44	-1.72%	-0.78%	-0.78%	13.68%	SBT, LSS, SLS, QNS,	VNM, GTN, QNS
Chè	USD/kg	2.75	0.00%	0.00%	30.95%	-15.12%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	91.55	-1.40%	-2.77%	-13.27%	-6.27%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.60	0.02%	0.61%	-4.38%	-2.55%	MSN, ACM, BGM	CAV. SAM, TGP, VTH
Thép	CNY/ton	3790.00	0.37%	0.29%	-6.70%	-16.92%	HSG, HPG, NKG	PC1. CTD, HBC
Nhôm	USD/ton	1792.00	0.56%	1.19%	-2.98%	-12.80%		CAV. SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	USD/ton	92.00	0.00%	-2.13%	-24.90%	34.31%	HLC, NBC, TNT, THT	HT1, BCC, PPC, POW
Than đá	USD/ton	68.65	0.88%	-4.45%	-8.99%	-35.54%	HSG, HPG, NKG	HSG, HPG, NKG

*Nguồn: BSC tổng hợp***Thông tin nổi bật****Giá dầu**

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 10/2019 đóng cửa ngày 19/08 tăng 1.1 USD hay 1.88% lên 59.74 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 09/2019 tăng 1.34 USD hay 2.44% lên 56.21 USD/thùng.
- Những dấu hiệu cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung Quốc dịu đi, gồm cả việc Washington gia hạn miễn trừ cho phép công ty công nghệ Huawei của Trung Quốc mua linh kiện từ các công ty Mỹ cũng hỗ trợ giá dầu. Tuy nhiên, đà tăng của giá dầu bị hạn chế bởi báo cáo không lạc quan của OPEC đã gây ra mối lo ngại về tăng trưởng nhu cầu dầu mỏ.

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 1% xuống 1,498.90 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 12/2019 của Mỹ giảm 0.8% xuống 1,511.6 USD/ounce.
- Vàng giảm 1% trong phiên vừa qua khi những lo lắng về các nền kinh tế lớn có thể rơi vào suy thoái dịu đi, làm giảm nhu cầu trú ẩn an toàn trong kim loại này và thúc đẩy các nhà đầu tư chốt lời. Lợi suất trái phiếu Kho bạc Mỹ tiếp tục đi lên làm giảm lo ngại về một cuộc suy thoái, rời khỏi mức thấp kỷ lục sau khi đường cong lãi suất trái phiếu 2 tới 10 năm của Mỹ đảo ngược lần đầu tiên kể từ năm 2007 trong ngày 14/8.
- Thị trường chứng khoán toàn cầu tăng với thị trường Châu Âu tăng phiên thứ 2 do các nhà đầu tư vui mừng với những động thái thúc đẩy tăng trưởng đang chậm lại của Đức và Trung Quốc.

Giá quặng sắt

- Hợp đồng quặng sắt được giao dịch nhiều nhất trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên đóng cửa giảm gần 1% xuống 617 CNY (87.57 USD)/tấn, sau khi tăng khoảng 2.2% trong đầu phiên giao dịch. Đây là giá đóng cửa thấp nhất kể từ ngày 11/6/2019.
- Giá quặng sắt Đại Liên tăng trong đầu phiên giao dịch và giảm khi kết thúc phiên. Triển vọng nhu cầu bị bao phủ bởi việc hạn chế sản xuất thép ở Trung Quốc, nơi dự trữ nguyên liệu thô sản xuất thép tại các cảng tăng tuần thứ 5 liên tiếp. Thành phố Đường Sơn, nơi sản xuất thép hàng đầu của Trung Quốc, được cho là đã yêu cầu cắt giảm sản lượng sâu hơn trong 4 ngày từ 18/8 tới 21/8/2019 để hạn chế ô nhiễm.

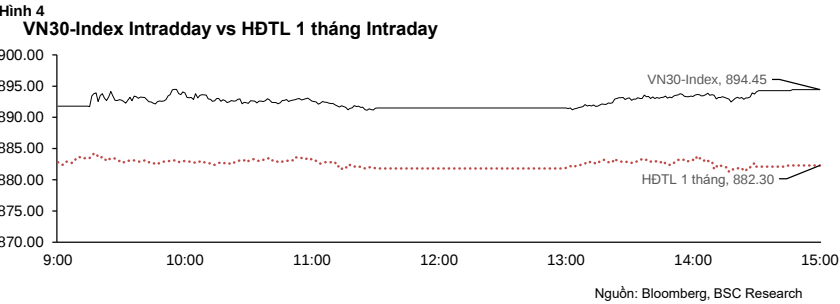
Giá nông sản

- Giá cà phê arabica giao tháng 12/2019 đã giảm 1.55 US cent hay 1.6% xuống 94.8 US cent /lb. Giá cà phê Robusta giao tháng 11/2019 đã giảm 14 USD hay 1% xuống 1,319 USD/tấn. Đồng real của Brazil suy yếu đã bổ sung áp lực cho thị trường khi vụ mùa lớn tại Brazil đang được thu hoạch và khả năng sản lượng vẫn ở mức kỷ lục trong năm 2020.
- Đường thô kỳ hạn tháng 10/2019 đóng cửa giảm 0.17 US cent hay 1.5% xuống 11.47 US cent sau khi giảm xuống 11.41 US cent, mức thấp nhất kể từ ngày 8/8. Các đại lý cho biết thị trường tiếp tục bị áp lực bởi nguồn cung dư thừa trong ngắn hạn.

Giá cao su

- Tại Sở giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM), giá cao su ngày 19/08/2019 kỳ hạn tháng 1/2020 tăng 4.1 JPY (0.0385 USD) lên 172.9 JPY/kg. Trên sàn Thượng Hải, cao su kỳ hạn tháng 1/2020 tăng 250 CNY chốt phiên tại 11,635 CNY/tấn. Giá cao su tăng ngay cả khi các nhà sản xuất cao su tự nhiên hàng đầu thế giới kết thúc việc hạn chế xuất khẩu, mặc dù giá tại các nước sản xuất sụt giảm.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 3
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	Chênh lệch	%	KLGD	Ngày tới hạn	Số ngày
VN30F1909	882.30	-0.14%	-12.15	-20.8%	66158	9/19/2019	32
VN30F1910	881.00	-0.01%	-13.45	-12.0%	205	10/17/2019	60
VN30F1912	881.10	0.02%	-13.35	-33.0%	65	12/19/2019	123
VN30F2003	879.10	-0.22%	-15.35	-73.0%	10	3/19/2020	214

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng 2.67 điểm lên mức 894.45 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VHM, FPT, MWG, NVL, và PNJ tác động mạnh đến xu hướng tăng của VN30. VN30 giằng co quanh ngưỡng 893 điểm, và kết thúc phiên tiếp cận ngưỡng kháng cự 895 điểm. Các chỉ báo kỹ thuật tiếp tục cho thấy xu hướng tăng ngắn hạn. Tuy nhiên, thanh khoản chưa xác nhận xu hướng rõ ràng.
- Các HDTL có diễn biến trái chiều so với chỉ số cơ sở. Ngoại trừ VN30F1912, các hợp đồng khác đều giảm. Xét về khối lượng giao dịch và vị thế mở, VN30F1909 và VN30F1910 đều giảm. Điều này cho thấy kỳ vọng giảm giá giảm dần trong ngắn hạn. Tuy nhiên, nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 875 điểm cho hợp đồng ngắn hạn và ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 885 điểm cho các hợp đồng trung hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Ngày đáo hạn	Thời gian còn lại	CR**	Kl giao dịch	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn
CMWG1902	VND	12/11/2019	113	4:1	2,920	-42.2%	2,400,000	20.87%
CMWG1904	SSI	12/30/2019	132	1:1	64,510	-1.9%	1,000,000	20.87%
CMBB1902	HSC	12/17/2019	119	1:1	37,840	-49.2%	1,000,000	21.30%
CFPT1902	SSI	9/30/2019	41	1:1	82,310	-21.3%	1,000,000	18.93%
CMBB1901	SSI	9/28/2019	39	1:1	222,840	51.3%	3,000,000	21.30%
CMWG1901	BSC	9/9/2019	20	4:1	75,600	72.4%	1,000,000	20.87%
CFPT1903	SSI	12/30/2019	132	1:1	18,090	-19.3%	2,000,000	18.93%
CFPT1901	VND	9/11/2019	22	2:1	153,700	80.2%	2,000,000	18.93%
CMWG1903	HSC	12/30/2019	132	5:1	116,780	-72.6%	2,000,000	20.87%
CHPG1905	SSI	12/30/2019	132	1:1	21,930	206.3%	1,000,000	29.96%
CHPG1903	VPBS	9/12/2019	23	2:1	61,230	-1.3%	1,500,000	29.96%
CHPG1901	MBS	9/10/2019	21	2:1	100,160	818.1%	2,000,000	29.96%
CHPG1904	SSI	9/30/2019	41	1:1	49,520	6.1%	1,000,000	29.96%
CPNJ1901	MBS	9/10/2019	21	5:1	46,360	-32.0%	1,000,000	22.75%
CVNM1901	KIS	12/13/2019	115	10:1	227,270	-29.4%	5,000,000	22.20%
CHPG1902	KIS	12/11/2019	113	5:1	262,300	151.6%	3,000,000	29.96%

Chú thích:

- * Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- ** Tỷ lệ chuyển đổi

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 20/08/2019, thị trường chứng quyền có sự phân hóa về giá. Phần lớn chứng khoán cơ sở đều tăng. Khối lượng giao dịch giảm nhẹ.
- CFPT1903 tăng giá nhiều nhất 8.26%. Trong khi đó, CHPG1901 giảm giá nhiều nhất 7.83%. Thanh khoản thị trường giảm nhẹ 3.29%, CHPG1902 có khối lượng giao dịch nhiều nhất chiếm 17% thị trường.
- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là MWG và FPT, các chứng quyền khác duy trì mức giá thị trường cao hơn so với mức giá lý thuyết. Nhóm chứng quyền có cổ phiếu cơ sở MWG tiếp tục là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi và tỷ suất sinh lời. HPG đang tích lũy sau khi không vượt qua được ngưỡng kháng cự 24. Các chỉ báo kỹ thuật cũng cho thấy các tín hiệu điều chỉnh giảm trong ngắn hạn. Chứng quyền có cổ phiếu cơ sở là HPG có thể gặp áp lực giảm trong các phiên tới.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 1
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VHM	86.70	2.97	1.23
FPT	54.00	3.05	1.21
MWG	120.00	1.78	0.84
NVL	63.00	1.45	0.47
PNJ	85.80	1.06	0.22

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 2
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MSN	76.2	-1.17	-0.59
VIC	121.0	-0.74	-0.53
VNM	124.4	-0.40	-0.35
HPG	22.9	-0.65	-0.35
VJC	130.0	-0.38	-0.19

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Giá phát hành	Giá chứng quyền	± Ngày	Giá Lý thuyết *
3,200	3,350	-2.62%	1,435
1,900	2,760	-0.36%	1,677
1,200	880	0.00%	23
3,300	3,910	-4.40%	1,735
2,700	6,200	3.33%	5,335
1,200	1,060	-7.83%	344
1,000	510	2.00%	0
1,900	4,700	2.17%	4,564
2,200	2,500	0.00%	880
14,000	36,400	4.60%	31,565
2,000	8,050	4.01%	7,982
6,000	13,100	8.26%	8,927
2,990	9,000	0.00%	7,833
1,500	880	0.00%	291
1,700	2,760	-1.43%	1,463
3,800	8,970	4.30%	8,249

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG1901	96,300	88,300	120,000
CHPG1901	47,999	22,900	22,900
CHPG1902	168,888	41,999	22,900
CHPG1903	22,100	23,200	22,900
CMBB1901	23,700	20,600	22,150
CMBB1902	26,300	21,800	22,150
CMWG1902	48,130	90,000	120,000
CPNJ1901	26,300	77,981	85,800
CVNM1901	46,340	158,888	124,400
CFPT1902	96,981	45,140	54,000
CFPT1903	56,154	45,140	54,000
CHPG1904	98,800	23,100	22,900
CHPG1905	93,300	23,100	22,900
CMWG1903	25,800	95,000	120,000
CMWG1904	165,000	90,000	120,000
CFPT1901	27,000	44,154	54,000

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	120.0	1.8%	0.7	2,310	2.8	7,893	15.2	5.1	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	85.8	1.1%	1.0	831	3.1	4,727	18.2	4.7	49.0%	27.9%
BVH	Bảo hiểm	77.0	-0.9%	1.3	2,346	0.4	1,503	51.2	3.5	25.6%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	39.5	1.0%	0.7	397	0.7	3,061	12.9	1.4	51.3%	10.7%
VIC	Bất động sản	121.0	-0.7%	1.1	17,603	1.1	1,673	72.3	4.9	15.0%	8.2%
VRE	Bất động sản	35.6	0.8%	1.1	3,605	3.0	1,033	34.5	2.9	32.5%	8.8%
NVL	Bất động sản	63.0	1.4%	0.8	2,549	1.1	3,579	17.6	2.9	7.1%	17.8%
REE	Bất động sản	37.0	-1.3%	1.0	499	2.1	5,261	7.0	1.2	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	14.2	0.0%	1.4	321	0.6	2,944	4.8	1.2	47.3%	27.0%
SSI	Chứng khoán	22.1	-0.5%	1.3	489	1.2	1,997	11.1	1.2	58.3%	10.9%
VCI	Chứng khoán	35.4	-1.9%	1.0	251	0.2	5,067	7.0	1.6	37.5%	24.7%
HCM	Chứng khoán	21.1	-0.9%	1.4	280	0.9	1,434	14.7	1.5	56.2%	11.1%
FPT	Công nghệ	54.0	3.1%	0.8	1,592	5.3	4,349	12.4	2.8	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	47.0	5.6%	0.4	508	0.1	3,778	12.4	3.1	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	103.0	1.2%	1.5	8,571	1.4	6,066	17.0	4.4	3.7%	26.9%
PLX	Dầu khí	62.5	-0.2%	1.5	3,182	1.9	3,271	19.1	3.7	13.2%	20.2%
PVS	Dầu khí	21.0	1.9%	1.7	436	2.2	2,351	8.9	0.8	24.0%	9.8%
BSR	Dầu khí	9.5	-2.1%	0.8	1,281	0.7	1,163	8.2	0.9	41.1%	11.0%
DHG	Dược	95.5	0.0%	0.5	543	0.0	4,602	20.8	4.1	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	13.8	0.0%	0.7	234	0.2	838	16.4	0.7	19.8%	4.9%
DCM	Hóa chất	8.1	-0.6%	0.7	186	0.1	894	9.0	0.7	2.5%	7.6%
VCB	Ngân hàng	76.9	0.1%	1.3	12,401	1.5	4,729	16.3	3.7	23.9%	25.6%
BID	Ngân hàng	36.8	0.3%	1.5	5,470	1.3	2,107	17.5	2.3	3.2%	13.8%
CTG	Ngân hàng	20.6	0.5%	1.6	3,335	2.0	1,470	14.0	1.1	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	19.5	0.3%	1.2	2,083	0.7	2,989	6.5	1.3	23.2%	20.6%
MBB	Ngân hàng	22.2	0.5%	1.1	2,035	2.6	3,215	6.9	1.4	20.0%	21.7%
ACB	Ngân hàng	22.2	0.9%	1.1	1,565	1.3	3,438	6.5	1.5	34.0%	26.4%
BMP	Nhựa	51.9	1.8%	0.9	185	0.2	5,040	10.3	1.8	76.8%	17.2%
NTP	Nhựa	39.7	0.0%	0.4	154	0.0	4,490	8.8	1.5	21.0%	18.0%
MSR	Tài nguyên	16.0	-2.4%	1.2	626	0.0	732	21.9	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	22.9	-0.7%	1.0	2,749	4.8	2,898	7.9	1.4	38.2%	19.9%
HSG	Thép	6.6	-0.2%	1.5	121	0.3	425	15.5	0.5	17.5%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	124.4	-0.4%	0.8	9,419	4.3	5,465	22.8	7.6	58.9%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	276.5	0.0%	0.8	7,709	0.3	6,735	41.1	10.1	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	76.2	-1.2%	1.2	3,873	0.9	3,304	23.1	2.8	40.3%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	16.2	0.6%	0.5	370	0.8	542	29.9	1.5	6.0%	4.9%
ACV	Vận tải	82.5	-1.2%	0.8	7,809	0.1	2,630	31.4	5.9	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	130.0	-0.4%	1.1	3,061	5.5	9,850	13.2	5.0	19.3%	43.3%
HVN	Vận tải	39.0	-0.1%	1.7	2,405	0.6	1,747	22.3	3.1	10.0%	13.4%
GMD	Vận tải	29.0	1.8%	0.8	374	1.3	1,888	15.4	1.4	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	18.3	-0.5%	0.6	224	0.4	2,505	7.3	1.3	30.6%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	89.8	1.4%	0.9	612	1.1	7,458	12.0	4.6	2.5%	44.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.5	-0.5%	0.9	361	0.3	1,333	13.9	1.3	13.1%	9.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.5	2.6%	0.8	257	0.1	1,657	9.4	1.1	6.3%	11.7%
CTD	Xây dựng	101.7	-1.3%	0.7	338	0.2	13,465	7.6	1.0	48.9%	13.4%
VCG	Xây dựng	26.3	-1.5%	1.1	505	0.5	1,307	20.1	1.8	0.0%	9.7%
CII	Xây dựng	20.9	0.0%	0.5	225	0.4	485	43.0	1.0	52.3%	2.4%
POW	Điện	13.0	0.0%	0.6	1,319	0.5	820	15.8	1.2	14.8%	7.8%
NT2	Điện	25.0	1.4%	0.6	313	0.2	2,241	11.2	1.8	22.1%	16.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	86.70	2.97	2.48	642320.00
GAS	103.00	1.18	0.68	315690.00
FPT	54.00	3.05	0.32	2.28MLN
MWG	120.00	1.78	0.28	539450.00
NVL	63.00	1.45	0.25	394010.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	22.20	0.91	0.34	1.32MLN
PVS	21.00	1.94	0.10	2.47MLN
L14	80.00	7.67	0.07	159100.00
IDV	40.00	6.67	0.03	9200.00
NDN	18.80	2.73	0.02	1.10MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	121.00	-0.74	-0.89	206540.00
MSN	76.20	-1.17	-0.31	258670.00
VNM	124.40	-0.40	-0.26	787020.00
BVH	77.00	-0.90	-0.15	128690.00
HPG	22.90	-0.65	-0.12	4.79MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	6.20	-1.59	-0.12	6.24MLN
VIX	6.30	-5.97	-0.03	3000.00
VCG	26.30	-1.50	-0.03	394300.00
VCS	89.80	-0.88	-0.03	283500.00
API	14.80	-8.64	-0.02	100.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DPG	52.50	6.92	0.05	820300.00
SVT	7.27	6.91	0.00	50.00
RIC	5.14	6.86	0.00	620.00
PGI	17.30	6.79	0.03	10.00
TIP	34.60	6.79	0.02	298280.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SPI	0.90	12.5	0.00	29300.00
CVN	12.10	10.0	0.01	2100.00
IDJ	4.40	10.0	0.01	657200.00
CMC	7.90	9.7	0.00	300.00
MBG	11.80	9.3	0.02	54500.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VPK	3.25	-6.88	0.00	2150.00
PTL	3.26	-6.86	-0.01	1000.00
FTM	17.80	-6.81	-0.02	370.00
DTT	11.80	-6.72	0.00	50.00
VNL	14.70	-6.67	0.00	30.00

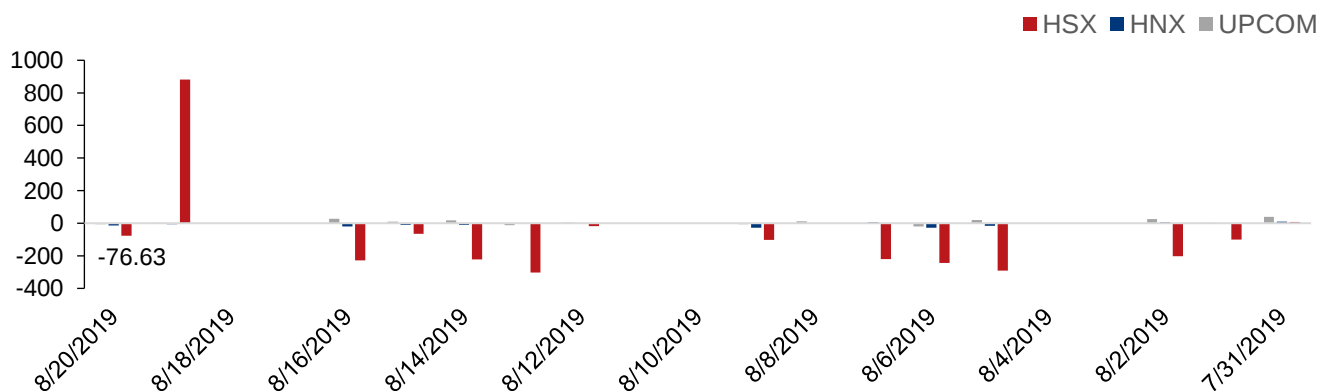
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.40	-20.00	-0.01	111400.00
KTS	16.20	-10.00	-0.01	200.00
SDG	32.40	-10.00	-0.01	100.00
ALT	16.20	-9.50	-0.01	100.00
TKU	9.00	-9.09	0.00	800.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



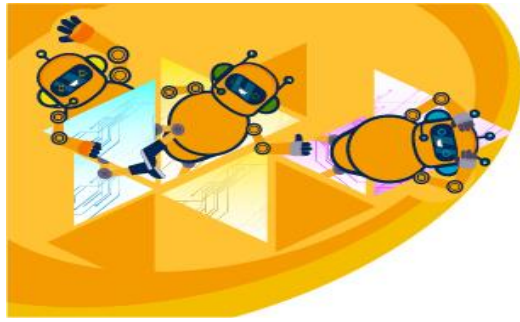
Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phen hóa và biến	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồ	Phân tích vĩ mô		Click
3	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
4	2019M2_Biến động giằng co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
5	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
8	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
10	VM_M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ mô_Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
13	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
14	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click
17	Vĩ mô_Tháng 07_Phen hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click
18	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ mô 2018M5_Phen hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click
20	tin_20180503	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	VEA	Máy công nghiệp	Theo dõi	1/7/2019	58.0	61.4	48.7	5,276	9.2	2.6	Click
2	VSC	Cảng biển	Theo dõi	24/06/2019	31.8	34.6	29.2	4,234	6.9	1.0	Click
3	ACB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	28.6	32.7	22.2	3,438	6.5	1.5	Click
4	VIB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	16.6	21.6	18.2	3,181	5.7	1.6	Click
5	HSG	Thép	Theo dõi	24/06/2019	7.7	9.0	6.6	425	15.5	0.5	Click
6	FRT	Bán lẻ	Theo dõi	20/06/2019	56.0		49.5	4,314	11.5	3.4	Click
7	MSN	Thực phẩm	Theo dõi	20/06/2019	82.8	89.8	76.2	3,304	23.1	2.8	Click
8	SCS	Hàng không	Theo dõi	11/6/2019	159.9	167.0	157.0	7,716	20.3	10.5	Click
9	GMD	Cảng biển	Theo dõi	11/6/2019	26.3	28.9	29.0	1,888	15.4	1.4	Click
10	MWG	Bán lẻ	Mua	10/6/2019	88.3	132.1	120.0	7,893	15.2	5.1	Click
11	NLG	Bất động sản	Mua	24/05/2019	31.2	40.5	31.5	3,760	8.4	1.6	Click
12	BCC	Xi măng	Mua	17/05/2019	8.7	11.2	7.7	1,433	5.4	0.4	Click
13	VHC	Thủy sản	Mua	16/05/2019	92.8	108.5	82.7	18,865	4.4	1.7	Click
14	DRC	Cao su	Theo dõi	15/05/2019	22.4	25.1	22.0	1,295	17.0	1.7	Click
15	TNG	Dệt may	Theo dõi	8/5/2019	20.8	21.0	18.0	3,437	5.2	1.3	Click
16	LHG	Bất động sản	Mua	7/5/2019	18.6	25.5	18.6	2,655	7.0	0.8	Click
17	FPT	Phần mềm	Mua	3/5/2019	50.0	59.1	54.0	4,349	12.4	2.8	Click
18	DGW	Bán lẻ	Mua	8/4/2019	22.9	27.4	24.5	3,149	7.8	1.2	Click
19	HDG	Bất động sản	Mua	8/4/2019	42.5	58.0	36.9	8,518	4.3	2.1	Click
20	GEX	Thiết bị điện	Mua	1/4/2019	23.0	30.2	20.1	2,251	8.9	1.7	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hòa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VSC 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 34000 ; Giá tại Publish 28600 Chúng tôi dự báo KQKD VSC 2019F với DT và LNST đạt lần lượt 1,695.8 tỷ đồng (+0.1% yoy) và 329.4 tỷ đồng (-7% yoy), tương đương EPS FW là 4,561 VND/CP. Biên lợi nhuận gộp VSC giảm nguyên nhân do việc thuê ngoài cảng PTSC và Nam Đình Vũ để bốc xếp tàu hàng bị trùng lịch với cảng Vip Green - Green Port khiến chi phí dịch vụ thuê ngoài tăng. Chúng tôi cho rằng VSC hiện đang gặp trục trặc trong việc quản lý cảng khiến cho các chi phí tăng mạnh, bên cạnh đó sản lượng hàng hóa thông cảng của Green Port -29% yoy và Vip Green Port là +8% yoy trong 1H2019. Tuy nhiên, chúng tôi kì vọng hoạt động kinh doanh khai thác cảng sẽ ổn định trở lại trong 2H2019-2020.
Express GMD 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 33350 ; Giá tại Publish 27000 BSC dự báo DT và LNST đạt lần lượt 3,016.5 tỷ đồng (+11.4% yoy) và 694.9 tỷ đồng (+15% yoy, đã loại trừ LNBT 2018), tương đương EPS FW là 1,972 VND/CP (đã loại trừ QKTPL). Cảng Nam Đình Vũ giai đoạn 1 khả năng vượt kế hoạch từ 382-400 ngàn TEUs khi có thêm 2 tàu hàng mới vào tháng 8-10/2019. Ngoài ra, giai đoạn 2 của cảng Nam Đình Vũ sẽ triển khai vào 2H2019. Dự án Gemalink sẽ hoàn thành vào Q2-Q3/2020 giúp tăng công suất ở khu vực Cái Mép Thị Vải.
Express VNM 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 138500 ; Giá tại Publish 120600 BSC dự báo VNM DTT và LNST 2019F đạt lần lượt 56,398 tỷ đồng (+7.2% yoy) và 11,165 tỷ đồng (+9% yoy), tương đương EPS fw 2019F là 5,792 đồng/cp, PE FW là 21x và PB fw là 6.9x. SCIC thoái vốn khỏi VNM trong 2020. VNM ra mắt nhiều sản phẩm mới đáp ứng được thị hiếu người tiêu dùng qua đó giúp tăng trưởng doanh thu. Tăng trưởng thị phần nội địa nhờ mở rộng điểm bán tăng độ bao phủ, chiến dịch marketing và khuyến mãi tốt giúp tăng nhận diện thương hiệu. Tuy nhiên, sửa nội địa bị cạnh tranh nhiều nếu các hãng sửa nước ngoài vào Việt Nam thông qua các hiệp định thương mại EVFTA.
Express MSN 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 82300 ; Giá tại Publish 75000 BSC dự báo KQKD MSN Doanh thu và LNST 2019F lần lượt đạt 42,215 tỷ đồng (+7.2% yoy) và 5,239 tỷ đồng (-6.8% yoy), nếu trừ đi lợi nhuận bất thường 2018 thì LNST 2019 tăng 22%, EPS FW 2019F đạt 4,302 VND/CP, PE FW = 17.4x và PB FW = 2.4x. Giá thị trường phục hồi trở lại sau đợt dịch AFS trong 2H2019. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng ngành hàng tiêu dùng của Masan Consumer đang chậm hơn kỳ vọng. Thức ăn chăn nuôi dành cho heo tiếp tục giảm trong 6M2019 do ảnh hưởng của dịch AFS. Giá vonfram duy trì ở mức thấp khoảng 250-260 USD/MTU ảnh hưởng tới KQKD mảng Masan Resources.
Express PNJ 2019Q3	12/8/2019	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 93400 ; Giá tại Publish 76300 BSC dự báo KQKD 2019 với doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 16,180 tỷ đồng (+10.2% yoy) và 1,193 tỷ đồng (+24% yoy), EPS cốt lõi FW 2019 = 5,089 đồng/cp, PE FW 2019 = 15.1 lần dựa trên các giả định (1) Biên lợi nhuận gộp năm 2019 ước đạt 21.6%, (2) SSSG cửa chuỗi vàng trang sức năm 2019 và 2020 lần lượt là 5% và 12% và (3) Số lượng cửa hàng mở mới dự kiến trong năm 2019 là 40 cửa hàng.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

